

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 110/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và Điều 55 Luật Bảo vệ môi trường về trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7453/TTr-SNNMT ngày 26/6/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành “Quy định quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2026.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Thư*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh
- Lưu: VT, CNN&XD.

MANH

Nh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải;
tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất
xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên**

*(Kèm theo Quyết định số: 100 /2026/QĐ-UBND ngày 22/ 7 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 tại khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; điểm c khoản 5 Điều 81 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15; khoản 3 Điều 83 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; điểm b khoản 5 Điều 86 về: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa, lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung đối với các đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; tuyến đường, thời gian vận chuyển đối với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa, lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung đối với các đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; tuyến đường, thời gian vận chuyển đối với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ được sử dụng trong quy định này được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn xây dựng là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải phát sinh từ hoạt động xây dựng.
2. Hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng là các hoạt động kiểm soát chất thải rắn xây dựng trong suốt quá trình từ phát sinh, phân loại đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.
3. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng là chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính thi công xây dựng công trình (được chủ đầu tư ủy quyền thông qua hợp đồng) có phát sinh chất thải rắn xây dựng.
4. Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý là các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và các loại bùn thải tại quy định này.
5. Hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng và các loại bùn thải tại quy định này là các hoạt động bao gồm tái chế, tái sử dụng hoặc chôn lấp.
6. Khu vực đổ thải là phạm vi có thể quy hoạch chứa các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.
7. Địa điểm đổ thải là nơi xác định vị trí cụ thể để chứa các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.
8. Vật chất nạo vét là vật chất ở thể rắn, lỏng được nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa, không bao gồm vật chất nạo vét được thu hồi làm sản phẩm có thể sử dụng.
9. Chất thải nguy hại là nhóm các chất thải quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường, được phân định theo mã, danh mục và ngưỡng chất thải nguy hại tại Mẫu số 01, Phụ lục III, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có ký hiệu là "NH".
10. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý là nhóm các chất thải quy định tại điểm c khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường và Mẫu số 01, Phụ lục III, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có ký hiệu là "TT".
11. Vận chuyển chất thải trong quy định này là hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nơi phát sinh chất thải), trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ tạm thời đến nơi xử lý.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG, Bùn THẢI TỪ BỂ PHỐT, HÀM CẦU, Bùn THẢI TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chung

1. Quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hàm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải tuân thủ các nguyên tắc chung về quản lý chất thải có liên quan quy định tại Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

2. Công trình xây dựng phải có giải pháp thiết kế, công nghệ thi công, sử dụng vật liệu hợp lý nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh.

3. Vị trí, quy mô các điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hàm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy hoạch của địa phương.

4. Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hàm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước được hưởng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

5. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hàm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn.

Điều 5. Phân loại chất thải

1. Chất thải rắn xây dựng được phân loại thành các loại chất thải sau:

a) Chất thải thông thường có thể tái chế, tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho hoạt động khác.

b) Chất thải thông thường không tái chế, tái sử dụng được.

c) Chất thải phải kiểm soát, việc phân định chất thải phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì phải quản lý như chất thải nguy hại.

d) Chất thải nguy hại.

2. Chất thải rắn xây dựng là chất thải nguy hại phải được phân loại riêng và quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

3. Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng theo quy định.

4. Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước không có thành phần nguy hại là chất thải phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

5. Bùn thải từ hệ thống thoát nước có các thành phần nguy hại là chất thải phải kiểm soát.

Điều 6. Lưu giữ chất thải

1. Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

a) Đối với chất thải rắn xây dựng là chất thải thông thường: thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

b) Đối với chất thải rắn xây dựng là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn xây dựng có thành phần nguy hại chưa được phân định: thiết bị, khu vực lưu giữ phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 18 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

c) Khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng không được gây cản trở giao thông của khu vực và ảnh hưởng mỹ quan đô thị; phải có biển cảnh báo ghi thông tin về loại chất thải rắn xây dựng.

d) Các loại chất thải rắn xây dựng có thể tái chế, tái sử dụng được phân loại phải lưu chứa trong các thiết bị hoặc khu vực lưu giữ riêng.

2. Lưu giữ bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu

Thiết bị, khu vực lưu giữ bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu, phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3. Lưu giữ lưu giữ bùn thải từ hệ thống thoát nước

a) Thiết bị, khu vực lưu giữ bùn thải từ hệ thống thoát nước không có thành phần nguy hại phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

b) Đối với bùn thải từ hệ thống thoát nước có thành phần nguy hại, thiết bị, khu vực lưu giữ phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 18 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

4. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải; thời gian lưu giữ chất thải thông thường phải phù hợp quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, địa điểm lưu giữ. Chất thải rắn xây dựng là chất thải phải kiểm soát hoặc chất thải nguy hại chỉ được lưu giữ không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển chất thải

1. Chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch địa phương hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng trong trường hợp đảm bảo quy định pháp luật liên quan. Đối với chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước có chứa thành phần nguy hại phải được thu gom và vận chuyển trực tiếp đến cơ sở xử lý chất thải nguy hại theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2. Việc vận chuyển phải tuân thủ theo quy định về thời gian và lộ trình về tuyến đường tại Điều 22 của Quy định này; bảo đảm quy định về an toàn giao thông và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông trên địa bàn tỉnh.

3. Yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn

a) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng là chất thải thông thường, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Đối với chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước là chất thải nguy hại hoặc chất thải phải kiểm soát, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 25 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

c) Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển; không để lẫn chất thải thông thường và nguy hại.

Điều 8. Trạm trung chuyển chất thải

1. Trạm trung chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải được bố trí phù hợp quy hoạch của từng địa phương, thuận lợi về giao thông; đảm bảo hoạt động chuyên chở không gây ảnh hưởng tới cảnh quan và chất lượng môi trường.

2. Trạm trung chuyển phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nơi lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn nguy hại tại Điều 33, Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; phải có khả năng tiếp nhận và lưu giữ khối lượng chất thải phù hợp với khả năng thu gom, vận chuyển trên địa bàn, không vượt quá khả năng lưu chứa của trạm trung chuyển.

Điều 9. Tái sử dụng, tái chế chất thải

1. Việc tái sử dụng, sử dụng trực tiếp chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng

a) Đối với các công trình xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này, khuyến khích tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng không chứa thành phần nguy hại ngay tại công trường;

b) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái chế, tái sử dụng. Tùy theo tính chất và đặc điểm, các chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp.

3. Bùn thải từ hệ thống thoát nước được tái sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 10. Xử lý chất thải

1. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước

a) Cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải được quy hoạch và xây dựng phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

b) Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước

a) Việc xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải tuân thủ quy định tại Điều 82 và Điều 84 Luật số 72/2020/QH14, Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

b) Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng gồm nghiền, sàng, tận dụng làm vật liệu xây dựng, chôn lấp, các công nghệ đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường khác.

c) Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

d) Khuyến khích việc xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ nguồn thải

1. Đối với chủ nguồn thải là chủ công trình xây dựng và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này

a) Thực hiện quy định chung tại Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường và trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại Điều 66 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định 48/2026/NĐ-CP; trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP.

b) Hạn chế phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Thu gom, xử lý nước thải, nước chảy tràn bề mặt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

d) Tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng; tận dụng đất, đá, chất thải rắn làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng.

đ) Tái sử dụng đất bóc bề mặt, đất đào móng cọc bồi đắp đất trồng cây hoặc các san lấp các khu vực phù hợp.

e) Quản lý bùn thải bề phốt, hầm cầu theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

g) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn và các loại chất thải khác đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

h) Chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ các quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Đối với chủ nguồn thải là chủ đầu tư công trình nhà ở

a) Quản lý chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này và đảm bảo quy định chung tại Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Tái sử dụng hoặc đổ thải chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác như quy định đối với chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại quy định tại Điều 66 và Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

4. Chi trả phí dịch vụ theo hợp đồng giữa chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng và chủ thu gom, vận chuyển, chủ cơ sở xử lý.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 110/2026/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển theo quy định đối với tại khoản 3 Điều 7 Quy định này và các quy định khác có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện vận chuyển chất thải bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

4. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước đến trạm trung chuyển, cơ sở xử lý hoặc tái chế; chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả nếu xảy ra sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển.

5. Xác định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển để làm cơ sở ký hợp đồng thu gom, vận chuyển với chủ nguồn thải theo quy định pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý

1. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Tiếp nhận và xử lý chất thải từ các chủ thu gom, vận chuyển trên cơ sở hợp đồng ký kết với chủ nguồn thải và có phiếu ghi khối lượng, thành phần được vận chuyển đến hàng ngày có xác nhận của hai bên.

3. Có sổ theo dõi hoạt động xử lý, nội dung gồm:

a) Thông tin chung của các chủ thu gom, vận chuyển.

b) Khối lượng, dung tích, số chuyến xe chở được tiếp nhận của từng chủ thu gom, vận chuyển; loại chất thải tiếp nhận.

c) Công nghệ, biện pháp xử lý.

d) Nhật ký vận hành các hạng mục công trình, thiết bị trong dây chuyền công nghệ xử lý.

đ) Các thông tin cần thiết khác.

4. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường, có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư các công trình xây dựng, trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều này, có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng đảm bảo môi trường xây dựng theo quy định.

b) Đảm bảo chi phí cho việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định.

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định.

2. Chủ đầu tư các công trình nhà ở có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về việc quản lý chất thải tại công trình theo quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

b) Trường hợp các hộ gia đình tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom, vận chuyển, phải thực hiện quản lý theo hướng dẫn của chính quyền địa phương.

Mục 2

QUY ĐỊNH KHU VỰC, ĐỊA ĐIỂM ĐỔ THẢI ĐỐI VỚI VẬT CHẤT NẠO VẾT TỪ HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Điều 15. Nguyên tắc xác định khu vực, vị trí đổ thải vật chất nạo vét

Khu vực, địa điểm đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa phải đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất của địa phương, không gây ra ảnh hưởng tiêu cực về môi trường, cảnh quan khu vực và các điều kiện kinh tế xã hội khác của địa phương.

Điều 16. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Điều kiện để xác định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Khu vực, địa điểm đổ thải phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có diện tích phải đáp ứng nhu cầu đổ thải vật chất nạo vét của từng dự án cụ thể, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

b) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom chất thải từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa. Nếu thực hiện đổ thải lên trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp, không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước, không nằm ở vị trí đầu nguồn nước, không nằm trong không gian thoát lũ, chứa lũ.

d) Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân; bảo đảm các quy định về phạm vi bảo vệ công trình đề điều, công trình thủy lợi.

2. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Vị trí khu vực, địa điểm đổ thải có khoảng cách an toàn đến khu dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử.

b) Có diện tích, sức chứa phù hợp để chứa, xử lý các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo từng dự án cụ thể.

c) Để hạn chế tác động xấu của vật chất nạo vét đến môi trường xung quanh, kết cấu của khu vực đổ thải phải có bờ bao bằng đất tự nhiên hoặc bê tông cốt thép (đảm bảo chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực đổ thải), xung quanh có hệ thống lắng lọc nước và thoát nước.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nạo vét đường thủy nội địa

1. Thực hiện đổ thải đúng phạm vi, vị trí được cấp phép.

2. Việc thu gom, vận chuyển vật chất nạo vét phải hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, giao thông, nuôi trồng thủy sản.

3. Thu gom, vận chuyển đối với vật chất nạo vét có tạp chất ô nhiễm thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải.

4. Khuyến khích sử dụng kỹ thuật tiên tiến trong thu gom, vận chuyển vật chất nạo vét; khuyến khích sử dụng kỹ thuật, công nghệ tách nước, phơi khô vật chất nạo vét trước khi vận chuyển.

Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất nạo vét

1. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích đất đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Giám sát việc đổ thải vật chất nạo vét bảo đảm đúng vị trí, phạm vi đã được cấp phép.

Mục 3

LỘ TRÌNH BỐ TRÍ QUỸ ĐẤT, ĐẦU TƯ HOẶC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG

Điều 19. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

1. Tất cả các đô thị, khu dân cư tập trung thực hiện rà soát, xác định vị trí đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp theo quy hoạch và tình hình thực tế của từng địa phương.

2. Việc xác định vị trí đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải là cơ sở để thực hiện việc bố trí quỹ đất đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3. Việc xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

Chủ đầu tư các khu đô thị, khu dân cư tập trung theo dự án đầu tư; chủ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung không thuộc khoản 2 Điều 2 quy định này được hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư khu đô thị, khu dân cư tập trung

1. Triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ trong quyết định chủ trương đầu tư. Báo cáo tiến độ triển khai dự án định kỳ hằng tháng, quý cho Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường có liên quan theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành dự án, đưa vào hoạt động, nhà đầu tư phải gửi văn bản đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thông báo dự án đã được xây dựng hoàn thành; đồng thời, gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan của dự án đến cơ quan thuế để được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định.

Mục 4

QUY ĐỊNH TUYẾN ĐƯỜNG, THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG PHẢI XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Điều 22. Quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển

1. Tuyến đường hoạt động vận chuyển

a) Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý được phép hoạt động trên các tuyến giao thông đường bộ nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nơi phát sinh chất thải), trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ tạm thời đến nơi xử lý; thực hiện đúng quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Các chủ phương tiện vận chuyển phải tuân thủ nghiêm túc lộ trình vận chuyển theo quy định tại điểm a khoản này và xuất trình được đầy đủ giấy tờ cần thiết theo quy định pháp luật để chứng minh lộ trình vận chuyển theo yêu cầu của lực lượng chức năng khi được kiểm tra trong quá trình tham gia giao thông.

2. Thời gian hoạt động vận chuyển

Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý có hành trình đi qua các tuyến đường đô thị trong các khu dân cư tập trung, trung tâm xã, phường được phép hoạt động từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau; phương tiện có hành trình vận chuyển đi qua các tuyến đường đô thị trong trung tâm xã, phường được phép hoạt động từ 20 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.

Không giới hạn thời gian vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên các tuyến đường ngoài khu vực đô thị.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình liên quan

1. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 34 và Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 25 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Các phương tiện vận chuyển chất thải và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường khi vận chuyển chất thải trong quá trình tham gia giao thông. Quản lý, sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải theo đúng quy định này và các quy định liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Trong việc quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Triển khai và tham mưu tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường liên quan đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và các sở ngành liên quan kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các địa điểm có hoạt động phát sinh chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung thay đổi của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng hoặc các quy định khác có liên quan đến các nội dung Quy định này.

2. Trong việc quản lý môi trường các khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định lập mới hoặc bổ sung, điều chỉnh danh mục các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn tỉnh hàng năm.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường đối với các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục hồ sơ về môi trường gồm báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và cơ quan liên quan kiểm tra việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường tại các địa điểm đổ vật chất nạo vét; hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

d) Chủ trì việc thẩm định phương án đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

3. Trong việc đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung:

a) Tiếp nhận và giải quyết theo quy định các thủ tục về đất đai, môi trường cho chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về môi trường đối với các hành vi vi phạm theo các quy định về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường và các quy định khác có liên quan.

4. Trong việc tổ chức thực hiện quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển đối với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định trong hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với lực lượng công an theo dõi, giám sát để kịp thời phát hiện, xử lý các phương tiện vận chuyển chất thải có hành vi vi phạm.

5. Phối hợp, tham gia ý kiến phương án đổ thải đối với các dự án nạo vét các hệ thống giao thông đường thủy nội địa có liên quan đến không gian thoát lũ, chứa lũ của hệ thống sông, phạm vi bảo vệ công trình đê điều, thủy lợi.

Điều 25. Sở Xây dựng

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực vận tải, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng đối với các nội dung liên quan đến quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải và lộ trình bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị.

2. Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và tham gia ý kiến vào nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải theo quy định pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải, hệ thống thu gom xử lý nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung khi có đề nghị của UBND cấp xã hoặc chủ đầu tư.

4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải liên quan đến chất thải rắn, vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy, bùn thải, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn trong việc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

6. Tham gia ý kiến phương án đồ thải đối với các dự án nạo vét các hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

7. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc, kiểm tra công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước; đồ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; vận chuyển đối với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Điều 26. Sở Tài chính

1. Chủ trì, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị, các khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và pháp luật về đầu tư công.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương liên quan tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo thẩm quyền; phối hợp thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan đến việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào hoạt động thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung theo quy định.

Điều 27. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ xử lý nước thải của các trạm, nhà máy xử lý nước thải trong các dự án đầu tư theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.

Điều 28. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung tại quy định này.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về hoạt động phân loại, xử lý, tái chế, tái sử dụng, vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 29. Thuế tỉnh Thái Nguyên

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi theo các quy định pháp luật về thuế.

2. Hướng dẫn xác định nghĩa vụ thuế theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các ngành liên quan kiểm soát, giám sát các hoạt động phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, bùn thải tại quy định này trong các khu công nghiệp; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khiếu kiện, ô nhiễm môi trường do các loại chất thải trên trong khu công nghiệp.

2. Quá trình thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, đề xuất bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải với quy mô và hình thức đầu tư đảm bảo phù hợp; xác định các dự án thu gom, xử lý nước thải ưu tiên đầu tư.

3. Chủ trì, lập kế hoạch và phân kỳ đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên; công bố để thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư hoặc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện, kêu gọi các nguồn lực xã hội hóa việc đầu tư các công trình, dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch xây dựng.

4. Triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý theo quy hoạch xây dựng được duyệt và kế hoạch thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn.

Điều 31. Công an tỉnh

1. Thường xuyên bám sát địa bàn, đấu tranh phòng chống, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, đổ thải trái phép các loại chất thải, bùn thải tại quy định này.

2. Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát, xử lý các phương tiện vận chuyển chất thải và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan vi phạm tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trong quá trình vận chuyển.

Điều 32. Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Tổ chức thực hiện các văn bản, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải, bùn thải tại quy định này trên địa bàn. Chịu trách nhiệm quản lý việc chấp hành pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

2. Chỉ đạo tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất, tăng cường công tác giám sát các tổ chức/cá nhân, giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến nội dung tại quy định này trên địa bàn; xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về vấn đề ô nhiễm trên địa bàn.

3. Chủ trì, lựa chọn vị trí phù hợp với quy hoạch tỉnh các trạm trung chuyển chất thải, bùn thải tại quy định này trên địa bàn đảm bảo đầy đủ các điều kiện tại Quy định này; phối hợp với các sở, ngành liên quan, chủ đầu tư dự án nạo vét đường thủy nội địa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, chấp thuận vị trí để sử dụng làm khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn.

4. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại địa phương theo phân cấp.

5. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án, công trình thoát nước.

6. Rà soát, bố trí quỹ đất đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, ưu tiên bố trí tái định cư đảm bảo tiến độ dự án của nhà đầu tư (nếu có). Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án thoát nước.

8. Quá trình thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, đề xuất bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải với quy mô và hình thức đầu tư phù hợp; xác định các công trình xử lý nước thải ưu tiên đầu tư.

9. Chủ trì, lập kế hoạch và phân kỳ đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên; công bố để thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư hoặc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện; thu hút các nguồn lực xã hội hóa việc đầu tư các công trình, dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch xây dựng.

10. Triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý theo quy hoạch xây dựng được duyệt và kế hoạch thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn.

11. Tổ chức tuyên truyền các nội dung tại quy định này và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn, trong đó cần tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân, các tổ chức trong công tác bảo vệ, quản lý các công trình thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải; chống lấn chiếm, giữ gìn vệ sinh môi trường và thực hiện xả nước thải ra hệ thống thoát nước và môi trường đúng quy định.

12. Bố trí lực lượng, tăng cường kiểm tra, theo dõi hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận chuyển chất thải trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

13. Hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và thông báo đến cơ quan công an các trường hợp không tuân thủ quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải; ngăn chặn các hành vi đổ thải trái phép.

14. Phản ánh kịp thời các vấn đề bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết tháo gỡ, sửa đổi.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn của các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.